

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 42/2024/HC-ST
Ngày 17 - 5 - 2024

V/v “*Khởi kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Xuân Long

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Chánh

Bà Trần Thanh Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và ngày 17 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử công khai vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý 273/2023/TLST-HC ngày 23/10/2023 về việc “*Khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2024/QĐXXST-HC ngày 25-3-2024 và quyết định tạm ngừng phiên tòa số 10/QĐST-HC ngày 10/4/2024 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Lê Hồng N, sinh năm 1962 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. *Người bị kiện:*

2.1. Ủy ban nhân dân huyện X và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X;

Địa chỉ: Số A Quốc lộ E, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị Trang Đ – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X (vắng mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Lê Hoài N1 – Phó phòng Tài nguyên và Môi trường huyện X (có mặt) và ông Nguyễn Thanh T – Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện X (có mặt).

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B;

Địa chỉ: Số A P, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T1 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B (vắng mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Thái S – Phó giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B (vắng mặt) và bà Nguyễn Thị Phương N2 - Chuyên viên Phòng Quản lý đất đai Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Lê Thị P, sinh năm 1987 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3.2. Bà Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1967 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện ông Lê Hồng N trình bày:*

Trước đây gia đình ông N có nhận chuyển nhượng phần diện tích đất 259,8m² thuộc thửa 97, tờ bản đồ số 67 tọa lạc tại ấp B, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và đã được UBND huyện X cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C949876 ngày 25/01/2016. Sau đó, ông N đã mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên để thế chấp ngân hàng nhằm vay vốn làm ăn. Ngày 17/9/2016, ông N lập giấy tay tặng cho con gái là Lê Thị P phần diện tích đất nêu trên, do Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp nên ông N chưa hoàn tất thủ tục sang tên cho bà P được. Từ khi được cho đất, bà P đã xây dựng nhà ở trên đất và sinh sống ổn định từ năm 2016 đến nay cùng các con của bà P (gồm cháu Lê Hoàng Mi M, cháu Nguyễn Lê Gia B, cháu Nguyễn Lê Kim C).

Ngày 20/4/2018, UBND huyện X ban hành thông báo số 74/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án mở rộng, nâng cấp đường B và toàn bộ diện tích nhà đất tại thửa đất 97, tờ bản đồ số 67 nêu trên của bà P bị thu hồi toàn bộ.

Ngày 30/3/2022, UBND huyện X ban hành Quyết định số 1575/QĐ-UBND về việc thu hồi của ông Lê Hồng N diện tích 259,8m² (trong đó có 150m² đất thổ cư, 108,1m² đất nông nghiệp và 1,7m² đất giao thông) thuộc thửa 97 và thửa 99 tờ bản đồ số 67 tại xã B, huyện X để giao cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện X đầu tư xây dựng công trình: Mở rộng, nâng cấp đường B, xã B (Đ).

Ngày 30/3/2022, UBND huyện X ban hành Quyết định số 1582/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông Lê Hồng N để thu hồi đất giao cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện X đầu tư xây dựng công trình: Mở rộng, nâng cấp đường B, xã B (Đ) đối với phần diện tích đất bị thu

hồi. Căn cứ theo nội dung Quyết định này thì gia đình ông N chỉ được bồi thường đối với phần diện tích đất bị thu hồi, các vật kiến trúc khác trên đất và các khoản hỗ trợ khác; tuy nhiên lại không xem xét hỗ trợ tái định cư cho gia đình ông N.

Không đồng ý với nội dung tại Quyết định số 1582/QĐ-UBND vì giá bồi thường quá thấp so với giá thị trường vào thời điểm đó cũng như việc không hỗ trợ tái định cư cho gia đình ông N là không thỏa đáng, nên ông N đã khiếu nại Quyết định số 1582/QĐ-UBND đến UBND huyện X. Ngày 12/7/2022, Chủ tịch UBND huyện X ban hành Quyết định số 3705/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Hồng N (lần đầu) với nội dung giữ nguyên Quyết định số 1582/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của UBND huyện X.

Ông N đã tiếp tục làm đơn khiếu nại lần hai gửi đến UBND tỉnh B đối với Quyết định số 1582/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của UBND huyện X. Ngày 05/12/2022, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 3717/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Hồng N (lần hai) với nội dung công nhận và giữ nguyên nội dung giải quyết khiếu nại lần đầu tại Quyết định số 3705/QĐ-UBND ngày 12/7/2022 của Chủ tịch UBND huyện X; đồng thời tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 1582/QĐ-UBND ngày 30/3/2022.

Ông N cho rằng việc ban hành Quyết định số 1582/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của Chủ tịch UBND huyện X về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, Quyết định số 3705/QĐ-UBND ngày 12/7/2022 của Chủ tịch UBND huyện X về việc giải quyết khiếu nại lần đầu và Quyết định số 3717/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại lần hai là chưa giải quyết thỏa đáng quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông N, cụ thể như sau:

Thứ nhất: Mức giá đất bồi thường quá thấp so với giá đất thị trường cùng loại vào thời điểm thu hồi đất. Hơn nữa, thời điểm hiện tại UBND tỉnh B đã ban hành Quyết định số 25/2022/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 về Bảng giá đất các loại trên địa bàn tỉnh. Vì vậy, ông N cho rằng UBND huyện X có trách nhiệm xác định giá đất bồi thường trên cơ sở phù hợp với giá đất phổ biến trên thị trường, tham khảo Quyết định số 25/2022/QĐ-UBND của UBND tỉnh B chứ không thể căn cứ vào bảng giá đất từ năm 2019 để áp dụng cho gia đình ông N như vậy.

Thứ hai: Cần hỗ trợ tái định cư cho gia đình ông N, cụ thể ở đây là giao 01 suất tái định cư cho bà Lê Thị P. Hiện tại, diện tích đất bị thu hồi toàn bộ đang thuộc quyền sử dụng của bà P, ông N đã lập giấy tặng cho bà P từ năm 2016 (có giấy tờ nộp kèm theo), bà P cư trú trực tiếp tại thửa đất bị thu hồi, có sổ hộ khẩu và các hóa đơn điện, nước đều đứng tên bà P... tất cả những điều này đều chứng minh cho việc bà P sinh sống trực tiếp tại thửa đất bị thu hồi này, vì vậy cần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất là bà P. Trong số diện tích đất bị thu hồi, có 150 m² đất ở. Hơn nữa, bà P chỉ có duy nhất một thửa đất và hiện đã bị thu hồi, việc không hỗ trợ tái định cư sẽ làm ảnh hưởng rất lớn đến cuộc sống của bà P và các con.

Điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP quy định:

“Điều 6. Bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất ở

Việc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất ở quy định tại Điều 79 của Luật Đất đai được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ở, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đang sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất tại Việt Nam khi Nhà nước thu hồi đất ở mà có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai thì việc bồi thường về đất được thực hiện như sau:

a) Trường hợp thu hồi hết đất ở hoặc phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh mà hộ gia đình, cá nhân không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở tái định cư”.

Thứ ba: Mức bồi thường đối với 93,6 m² nhà ở là 120.088.800 đồng là quá thấp. Nên yêu cầu điều chỉnh mức bồi thường thỏa đáng cho gia đình ông N.

Căn cứ vào quy định pháp luật đã dẫn chiếu cùng với các nội dung ông N đã phân tích, gia đình ông N, cụ thể là mẹ con bà P đủ điều kiện để được hỗ trợ tái định cư.

Nhận thấy quyền và lợi ích hợp pháp của ông N và bà P đang bị UBND huyện X, Chủ tịch UBND huyện X, Chủ tịch UBND tỉnh B xâm phạm, vì vậy ông N làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những nội dung sau:

+ Hủy Quyết định số 1582/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của Ủy ban nhân dân huyện X về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông Lê Hồng N để thu hồi đất giao cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện X đầu tư xây dựng công trình: Mở rộng, nâng cấp đường B, xã B (Đ).

+ Hủy Quyết định số 3705/QĐ-UBND ngày 12/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Hồng N (lần đầu).

+ Hủy Quyết định số 3717/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Hồng N (lần hai).

2. Ủy ban nhân dân huyện X và Chủ tịch UBND huyện X trình bày:

- *Quá trình thu hồi đất:*

Ngày 30/3/2022, UBND huyện X ban hành Quyết định số 1575/QĐ-UBND về việc thu hồi của ông Lê Hồng N diện tích 259,8m² (trong đó có 150m² đất thổ cư, 108,1m² đất nông nghiệp và 1,7m² đất giao thông) thuộc thửa 97 và thửa 99 tờ bản đồ số 67 tại xã B, huyện X để giao cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện X đầu tư xây dựng công trình: Mở rộng, nâng cấp đường B, xã B (Đ).

Cùng ngày, UBND huyện X ban hành Quyết định số 1582/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông Lê Hồng N.

Do không đồng ý với quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường nên ông N đã làm đơn khiếu nại và yêu cầu được giao 01 lô đất tái định cư.

- *Quá trình giải quyết khiếu nại:*

Sau khi bị thu hồi 150m² đất ở thuộc thửa 97, tờ bản đồ số 67 có trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C949876 do UBND huyện X cấp ngày 25/01/2016 thì ông Lê Hồng N còn lại 300m² đất ở thuộc một phần thửa 15 tờ bản đồ số 69 tọa lạc tại xã B có trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 082785 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 06/3/2006 và cấp đổi ngày 18/01/2021. Diện tích đất ở còn lại của ông N phù hợp với việc xây dựng nhà ở theo quy định của pháp luật về xây dựng. Trên cơ sở thực tế nêu trên, căn cứ khoản 2 Điều 5 Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành kèm theo Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 của UBND tỉnh B thì ông Lê Hồng N không đủ điều kiện để được giao đất tái định cư.

Vì vậy, UBND huyện X không chấp nhận yêu cầu giao đất tái định cư cho ông Lê Hồng N theo nội dung đơn khiếu nại của ông N là đúng quy định.

- *Ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Căn cứ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 thì UBND huyện X ban hành Quyết định số 1582/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho ông Lê Hồng N và Chủ tịch UBND huyện X ban hành Quyết định số 3705/QĐ-UBND ngày 12/7/2022 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Lê Hồng N đúng quy định pháp luật. Do đó Chủ tịch UBND huyện X và UBND huyện X vẫn giữ nguyên các quyết định nêu trên, đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

3. *Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B trình bày:*

Gia đình ông N bị giải tỏa trắng đối với diện tích 233m² thuộc thửa số 97, tờ bản đồ số 67, xã B theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 949876 cấp ngày 25/01/2016. Đối với phần diện tích này, ông N đã cho con gái là bà Lê Thị P, sinh năm 1987 (cháu ngoại là Lê Hoàng Mi M, sinh năm 2007) từ năm 2016 nhưng chưa thực hiện việc làm thủ tục cho tặng do đã thế chấp cho Ngân hàng phần diện tích này.

Bà P thực tế đã ở tại căn nhà trên đất bị giải tỏa từ năm 2016 cho đến khi bị giải tỏa. Khi kiểm kê thu hồi đất đã không ghi nhận tài sản cho bà P mà ghi nhận cho ông N, đồng thời ông N không ký tên mà do ông Lê Hồng H là em ruột ông N ký tên thay trong biên bản kiểm kê (do thời điểm này ông N đang làm việc tại C). Ông N cho biết thêm, thực tế gia đình ông sinh sống tại căn nhà khác thuộc Giấy CNQSD đất số DA 082785 cấp ngày 18/01/2021 tại xã B, huyện X (không sống tại nhà trên phần diện tích bị thu hồi, giải tỏa). Do đó, ông N yêu cầu Nhà nước xem xét giao đất ở mới có thu tiền sử dụng đất cho con gái ông là bà Lê Thị P (01 lô đất) để có nơi ở và ổn định cuộc sống.

Kết quả xác minh nội dung khiếu nại của ông Lê Hồng N:

- Trình tự, thủ tục thu hồi đất, phê duyệt kinh phí bồi thường:

Ngày 20/4/2018, UBND huyện X ban hành Thông báo số 74/TB- UBND về việc Thông báo thu hồi đất để thực hiện Dự án Mở rộng, nâng cấp đường B - Đợt 5.

Ngày 18/6/2021, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện X tiến hành kiểm đếm đất đai, tài sản, vật kiến trúc và cây trái hoa màu của hộ ông N thuộc Dự án Mở rộng, nâng cấp đường B - Đợt 5. Tại Biên bản kiểm đếm thể hiện: Tổng diện tích đất bị thu hồi là 259,8m² thuộc thửa đất số 95, tờ số 4 bản đồ thu hồi đất; nhà tạm loại 1, loại 3 và vật kiến trúc khác...; cây trái, hoa màu.

Ngày 07/12/2021, UBND xã B có Biên bản họp xét nguồn gốc sử dụng đất, tính pháp lý về đất và các chính sách hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất để đầu tư xây dựng Dự án Mở rộng, nâng cấp đường B. Theo đó, xét hộ ông Lê Hồng N có nội dung: *“Nhà tạm loại 1 không phải là nhà ở của gia đình ông N, gia đình ông N còn đất ở thuộc thửa đất số 15, tờ bản đồ địa chính số 69 (300m² đất thổ cư) và thửa đất số 90, tờ bản đồ địa chính số 57 (128m² đất thổ cư) xã B, nên không thuộc đối tượng bố trí tái định cư hoặc giao đất ở mới”*.

Ngày 31/12/2021, Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư có Biên bản họp hội đồng, theo đó xác định diện tích đủ điều kiện bồi thường đối với hộ ông Lê Hồng N và các khoản hỗ trợ (không có khoản bố trí tái định cư hoặc giao đất ở mới).

Ngày 30/3/2022, UBND huyện X ban hành Quyết định 1575/QĐ- UBND về việc thu hồi 259,8m² đất do ông Lê Hồng N đang sử dụng để đầu tư Dự án Mở rộng, nâng cấp đường B - Đợt 5.

Ngày 30/3/2022, UBND huyện X ban hành Quyết định số 1582/QĐ- UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Lê Hồng N để thu hồi đất giao cho Ban Quản lý Dự án Đầu tư - Xây dựng huyện X đầu tư Dự án Mở rộng, nâng cấp đường B - Đ, tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ là 1.446.416.094 đồng, trong đó:

+ Bồi thường giá trị quyền sử dụng 150m² đất ở (đoạn 1: khu vực 1, vị trí 1) số tiền 961.650.000đ, 108,1m² đất nông nghiệp (đoạn 1: khu vực 1, vị trí 1) với số tiền 201.822.700đ;

+ Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm bằng 1,5 lần giá đất nông nghiệp (khu vực 1, vị trí 1: 175.000đ x 1,5 = 262.500đ x 108,1m²) với số tiền 28.376.250đ;

+ Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất (30kg gạo/tháng x 6 tháng x 11.800đ/kg; tỷ lệ thu hồi đất 44,3%) với số tiền 12.744.000đ.

Kết quả xác minh đối với nội dung khiếu nại, yêu cầu xem xét giao đất tái định cư

Gia đình ông N sử dụng tổng diện tích 573,4m² tại xã B, huyện X, gồm có:

- Diện tích 340,4m² thuộc thửa đất số 15, tờ số 69 bản đồ địa chính xã B (có 300m² đất ở và 40,4m² đất trồng cây hàng năm khác). Được UBND huyện X cấp Giấy CNQSD đất số DA 082785 cấp ngày 18/01/2021.

- Diện tích 233m² thuộc thửa đất số 97, tờ số 67 bản đồ địa chính xã B (có 150m² đất ở và 83m² đất trồng cây hàng năm khác). Được UBND huyện X cấp Giấy CNQSD đất số CC 949876 cấp ngày 25/01/2016.

Tại Dự án Mở rộng, nâng cấp đường B - Đ, ông N bị thu hồi tổng diện tích 259,8m² đất, gồm: diện tích 233m² đất nằm trong Giấy CNQSD đất số CC 949876; diện tích 25,1m² đất chưa được cấp giấy CNQSD đất và 1,7m² đất giao thông (trong đó có 150m² đất ở; 108,1m² đất nông nghiệp và 1,7m² đất giao thông).

Trên địa bàn xã B, ông N còn diện tích 300m² đất ở và 40,4m² đất nông nghiệp, thuộc Giấy CNQSD đất số DA 082785. Tại điểm a khoản 1 Điều 79 Luật Đất đai năm 2013, quy định bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất ở, cụ thể: *“Trường hợp không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi thì được bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở; trường hợp không có nhu cầu bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở thì Nhà nước bồi thường bằng tiền”*.

Tại điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, quy định bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất ở, cụ thể: *“Trường hợp thu hồi hết đất ở hoặc phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh mà hộ gia đình, cá nhân không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở tái định cư”*.

Căn cứ các quy định trên, thì hộ ông N còn 300m² đất ở thuộc Giấy CNQSD đất số DA 082785 tại xã B (nơi có đất bị thu hồi thực hiện Dự án Mở rộng, nâng cấp đường B - Đ 5). Do đó, trường hợp hộ ông N không đủ điều kiện để giao đất tái định cư.

Tại Quyết định số 1582/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của UBND huyện X không có nội dung giao đất tái định cư cho ông Lê Hồng N là đúng quy định. Nên việc ông Lê Hồng N khiếu nại yêu cầu giao đất tái định cư là không có cơ sở xem xét.

Như vậy: Tại Dự án Mở rộng, nâng cấp đường B - Đ, ông N bị thu hồi tổng diện tích 259,8m² đất, trong đó có 150m² đất ở đã được cấp Giấy CNQSD đất số CC 949876. Trên địa bàn xã B, ông N còn diện tích 300m² đất ở và 40,4m² đất nông nghiệp đã được cấp Giấy CNQSD đất số DA 082785. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 79 Luật Đất đai năm 2013; điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, thì nội dung khiếu nại của ông N về yêu cầu giao đất tái định cư là khiếu nại sai.

Ngày 05/12/2022, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 3717/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Hồng N, địa chỉ: Ấp B,

xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Theo đó, Chủ tịch UBND tỉnh B quyết định:

“1. Công nhận và giữ nguyên nội dung giải quyết khiếu nại lần đầu tại Quyết định số 3705/QĐ-UBND ngày 12/7/2022 của Chủ tịch UBND huyện X về việc bác nội dung khiếu nại của ông N về yêu cầu: Xem xét giao đất tái định cư là đúng.

2. Yêu cầu ông Lê Hồng N, UBND huyện X, Chủ tịch UBND huyện X, UBND xã B và các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân liên quan tiếp tục thực hiện Quyết định số 1582/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông N”.

Do đó, nội dung khởi kiện yêu cầu Hủy Quyết định số 3717/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Lê Hồng N là không có cơ sở để xem xét, giải quyết nên Chủ tịch UBND tỉnh B đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn khởi kiện của ông N đối với nội dung hủy Quyết định số 3717/QĐ-UBND ngày 05/12/2022.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

4.1. Bà Nguyễn Thị Đ1 trình bày:

Bà Đ1 là vợ của ông Lê Hồng N; thửa đất bị thu hồi là tài sản chung của vợ chồng; bà Đ1 đã tặng cho con gái là bà P từ năm 2016. Tuy nhiên, UBND huyện X đã phê duyệt kinh phí bồi thường cho ông N mà ko phải cho con gái là không đúng đối tượng. Bà Đ1 không được biết quyết định thu hồi đất, không được biết quyết định bồi thường hỗ trợ đất. Nay ra Tòa án thông báo cho bà là người liên quan nên bà mới biết UBND huyện phê duyệt kinh phí bồi thường cho cá nhân ông N; như vậy, bà mất đi quyền khiếu nại, quyền khởi kiện. Vì thửa đất trên giữa bà và ông N không có bất kỳ văn bản nào thỏa thuận phân chia tài sản chung, vẫn đứng tên cả hai vợ chồng bà.

4.2. Bà bà Lê Thị P trình bày:

Ngày 27/9/2016, ba mẹ tôi là ông Lê Hồng N, bà Nguyễn Thị Đ1 có làm giấy tay tặng cho tôi diện tích đất 259,8m² thuộc thửa 97, tờ bản đồ số 67 tọa lạc tại ấp B, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Diện tích đất này trước đây đã được UBND huyện X cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C949876 ngày 25/01/2016 cho ba mẹ tôi.

Do thời điểm làm giấy tặng cho thì diện tích đất này ba mẹ tôi đang thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại ngân hàng nên chưa làm thủ tục sang tên được, tuy nhiên tôi đã nhận đất và có sổ hộ khẩu thường trú, hóa đơn tiền điện, nước tại địa chỉ này từ năm 2016 đến nay.

Hiện nay nhà nước đã thu hồi toàn bộ diện tích đất này của tôi, ngoài diện tích đất bị thu hồi thì tôi không còn lô đất nào khác. Tôi hiện đang là mẹ đơn thân, một mình nuôi 3 đứa con nhỏ nên gặp rất nhiều khó khăn. Khoản tiền bồi thường của nhà nước không đủ để mua lại một diện tích đất khác nhằm xây dựng chỗ ở mới cho 4 mẹ con tôi. Do đó đề nghị Tòa án xem xét tạo điều kiện giúp đỡ cho tôi

để tôi được cấp một lô tái định cư có thu tiền sử dụng đất và đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ba tôi là ông Lê Hồng N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát biểu quan điểm như sau:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính, tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hồng N về việc: Hủy 1 phần Quyết định số 1582/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của Ủy ban nhân dân huyện X về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông Lê Hồng N để thu hồi đất giao cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện X đầu tư xây dựng công trình: Mở rộng, nâng cấp đường B, xã B (Đ): phần bồi thường giá trị quyền sử dụng đất.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Hồng N về việc:

+ Hủy Quyết định số 3705/QĐ-UBND ngày 12/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Hồng N (lần đầu).

+ Hủy Quyết định số 3717/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Hồng N (lần hai).

Về án phí: Do yêu cầu của ông Lê Hồng N được chấp nhận một phần nên Ủy ban nhân dân huyện X phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa; Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ Điều 158 Luật Tố tụng Hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ.

[2] *Về đối tượng khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Quyết định 1582/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của Ủy ban nhân dân huyện X, Quyết định số 3705/QĐ-UBND ngày 12/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X và Quyết định số 3717/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B là đối tượng khởi kiện trong vụ án.

Quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc trường hợp bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất”.

Các quyết định bị khiếu kiện do UBND huyện X, Chủ tịch UBND huyện X và Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo quy định tại Điều 30, Điều 32 Luật Tố tụng Hành chính.

[3] Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 05/12/2022, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần 2; không đồng ý, ông Lê Hồng N nộp đơn khởi kiện ra Tòa án theo giấy xác nhận đơn số 261/GXN-TA ngày 12/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; do đó thời hiệu khởi kiện đối với các Quyết định này vẫn còn theo quy định tại Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[4] Xét yêu cầu của người khởi kiện của ông Lê Hồng N thì thấy:

[4.1] Xét tính hợp pháp và tính có căn cứ của Quyết định 1582/QĐ-UBND ngày ngày 30/3/2022 của Ủy ban nhân dân huyện X:

[4.1.1] Về thẩm quyền ban hành:

Ngày 30/3/2022, UBND huyện X ban hành Quyết định số 1575/QĐ-UBND về việc thu hồi của ông Lê Hồng N diện tích 259,8m² (trong đó có 150m² đất thổ cư, 108,1m² đất nông nghiệp và 1,7m² đất giao thông) thuộc thửa 97 và thửa 99 tờ bản đồ số 67 tại xã B, huyện X để giao cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện X đầu tư xây dựng công trình: Mở rộng, nâng cấp đường B, xã B (Đ).

Cùng ngày, UBND huyện X ban hành Quyết định số 1582/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông Lê Hồng N.

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 69 Luật đất đai năm 2013 quy định về việc quyết định thu hồi đất, phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được quy định như sau: “*Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định tại Điều 66 của Luật này quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong cùng một ngày*” và căn cứ điểm a khoản 2 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013 quy định về thẩm quyền thu hồi đất “*Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi đất trong các trường hợp sau đây: a, Thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư*” thì Ủy ban nhân dân huyện X ban hành Quyết định 1582/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 là đúng thẩm quyền.

[4.1.2] Xét tính có căn cứ của Quyết định 1582/QĐ-UBND ngày 30/3/2022:

Quyết định số 1582/QĐ-UBND có nội dung phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông Lê Hồng N, để thu hồi đất cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện X đầu tư xây dựng công trình: Mở rộng nâng cấp đường B, xã B, huyện X (đợt 5); cụ thể:

+ Bồi thường giá trị quyền sử dụng đất: 1.163.472.700 đồng; trong đó:

Đất ở (đoạn 1: khu vực 1, vị trí 1): 150 m², đơn giá 6.411.000 đồng/m², thành tiền: 961.650.000 đồng;

Đất nông nghiệp (đoạn 1: khu vực 1, vị trí 1): 108,1 m², đơn giá 1.867.000 đồng/m², thành tiền 201.822.700 đồng.

- + Bồi thường, hỗ trợ nhà: 198.882.920 đồng;
- + Bồi thường, hỗ trợ vật kiến trúc: 42.130.224 đồng;
- + Bồi thường hoa màu: 810.000 đồng;
- + Hỗ trợ đời sống và sản xuất: 12.744.000 đồng;
- + Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm: 28.376.250 đồng;

Theo xác nhận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện X thì giá đất bồi thường tại Quyết định 1582 được áp dụng tại Quyết định số 3821/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh B.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Thứ nhất, Quyết định số 1582/QĐ-UBND được ban hành cùng ngày với Quyết định thu hồi đất (ngày 30/3/2022), nhưng UBND huyện X lại phê duyệt giá bồi thường về quyền sử dụng đất theo Quyết định 3821/QĐ-UBND cách nhau là 03 năm 03 tháng.

Đôi chiếu với quy định tại khoản 2, 3 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013 quy định về nguyên tắc bồi thường khi nhà nước thu hồi đất: *“Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất. Việc bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất phải bảo đảm dân chủ, khách quan, công bằng, công khai, kịp thời và đúng quy định của pháp luật”*; thì có đủ cơ sở để xác định UBND huyện X đã không áp dụng giá đất cụ thể do UBND tỉnh quyết định tại thời điểm thu hồi đất, là vi phạm nguyên tắc mà pháp luật quy định tại Điều 74 Luật Đất đai năm 2013. Bởi lẽ, không thể có việc thu hồi đất vào năm 2022, nhưng lại áp dụng giá đất của năm 2018 để xác định số tiền bồi thường. Vì giá đất của năm 2022 được UBND tỉnh xác định trong Bảng giá đất hàng năm trên địa bàn các huyện trong tỉnh là cao hơn giá đất của năm 2018. Đồng thời, tại Thông tư số 28/2015/TT-BTC ngày 06-3-2015 của Bộ T2 ban hành tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam xác định thời hạn có hiệu lực của kết quả thẩm định giá: *“Thời hạn có hiệu lực của kết quả thẩm định giá được xác định trên cơ sở đặc điểm pháp lý, kinh tế - kỹ thuật của tài sản thẩm định giá; biến động về pháp lý, thị trường liên quan đến tài sản thẩm định giá và mục đích thẩm định giá nhưng tối đa không quá 6 (sáu) tháng kể từ thời điểm chứng thư thẩm định giá có hiệu lực”*.

Như vậy, quyết định số 1582/QĐ-UBND áp dụng đơn giá đất để bồi thường về giá trị quyền sử dụng đất không đúng quy định của pháp luật; đã xâm phạm trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của người dân bị thu hồi đất (ông Lê Hồng N). Do đó, ông N khiếu nại và khởi kiện cho rằng: giá bồi thường tại quyết định 1582/QĐ-UBND thấp và không phù hợp với giá đất tại thời điểm thu hồi đất là có căn cứ.

Thứ hai, xác định chủ sử dụng đất được bồi thường:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận QSD đất số CC 949876 ngày 25/01/2016 của UBND huyện X thì thửa đất bị thu hồi (thửa 97, tờ bản đồ số 67) xã B được UBND huyện X công nhận cho ông Lê Hồng N và bà Nguyễn Thị Đ1. Tuy nhiên, Quyết định 1582/QĐ-UBND chỉ phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông Lê Hồng N, không có tên bà Nguyễn Thị Đ1 là không đúng, đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đ1; vì đây là tài sản chung của ông N, bà Đ1 theo quy định tại Điều 33 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014 “*Quyền sử dụng đất mà vợ, chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng, trừ trường hợp vợ hoặc chồng được thừa kế riêng, được tặng cho riêng hoặc có được thông qua giao dịch bằng tài sản riêng*”, nên người được bồi thường phải là ông N, bà Đ1.

Thứ ba, về bồi thường đất ở theo quy định của pháp luật:

Diện tích đất thu hồi thể hiện tại Quyết định 1582 được xác định đất ở 150 m², và đất nông nghiệp 108,1 m². Do đó, có căn cứ để áp dụng điểm b Điều 79 Luật Đất đai 2013 quy định về bồi thường về đất khi nhà nước thu hồi đất ở “*Trường hợp còn đất ở, nhà ở trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi thì được bồi thường bằng tiền. Đối với địa phương có điều kiện về quỹ đất ở thì được xem xét để bồi thường bằng đất ở*” và điểm b khoản 1 Điều 6 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường về đất khi nhà nước thu hồi đất ở “*b) Trường hợp thu hồi hết đất ở hoặc phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh mà hộ gia đình, cá nhân còn đất ở, nhà ở khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được bồi thường bằng tiền. Đối với địa phương có điều kiện về quỹ đất ở thì được xem xét để bồi thường bằng đất ở*” để bồi thường đất ở cho ông Lê Hồng N.

Mặt khác, theo xác nhận của vợ chồng ông N thì nhà đất bị thu hồi đã được vợ chồng ông N tặng cho con gái là chị Lê Thị P bằng giấy viết tay từ năm 2016 và chị P cùng với 03 con của mình đã về sinh sống tại căn nhà bị thu hồi từ năm 2016, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương. Như vậy, gia đình ông N đã được tách thành 02 hộ, có nhiều thế hệ sinh sống, 10 thành viên trong gia đình. Nếu cùng sinh sống trên 01 mảnh đất có diện tích 300 m² đất ở trong cùng 1 thửa đất còn lại tại xã B là đặc biệt khó khăn. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện X không xem xét giao cho gia đình bà Lê Thị P 01 lô đất ở mới có thu tiền sử dụng đất là chưa đúng với Nghị quyết số 18-NQ-TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức khi nhà nước thu hồi đất và không đúng với quy định tại Điều 22 Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 của UBND tỉnh B quy định về xem xét hỗ trợ giao đất ở: “*Trường hợp trong hộ gia đình quy định tại Khoản 2, Điều 5 Quy định này có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở bị thu hồi nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng một (01) thửa đất ở thu hồi thì Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ vào quỹ đất ở hoặc*

nhà ở và tình hình thực tế tại địa phương, quyết định giao đất ở hoặc nhà ở theo thẩm quyền. Trường hợp khi thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân đã áp dụng các khoản bồi thường, hỗ trợ theo quy định tại Điều 5 Quy định này và Khoản 1 Điều này; hoặc đối với trường hợp thu hồi nhiều đất nông nghiệp mà hộ gia đình, cá nhân vẫn còn khó khăn về chỗ ở và có nhu cầu về đất ở thì Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ vào quỹ đất ở hoặc nhà ở và tình hình thực tế tại địa phương, quyết định giao đất ở hoặc nhà ở theo thẩm quyền". Vì vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông N, Hội đồng xét xử kiến nghị đến Ủy ban nhân dân huyện X thu hồi, hủy bỏ Công văn số 4169/UBND-TNMT ngày 06/7/2023 vì có liên quan đến giải quyết chính sách của Nhà nước đối với người có đất bị thu hồi.

Từ những phân tích trên, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N, hủy quyết định số 1582/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của Ủy ban nhân dân huyện X.

[4.2] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 3705/QĐ-UBND ngày 12/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X thì thấy:

Quyết định số 3705 là quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu có nội dung giữ nguyên quyết định số 1582/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của Ủy ban nhân dân huyện X. Tuy nhiên, như đã phân tích ở mục [4.1] của Bản án thì quyết định số 1582/QĐ-UBND được ban hành không đúng quy định pháp luật nên bị hủy bỏ; do đó, Quyết định số 3705/QĐ-UBND ngày 12/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X không còn căn cứ để ban hành. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N để hủy quyết định 3705/QĐ-UBND.

[4.3] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 3717/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B thì thấy:

Quyết định số 3717 là quyết định giải quyết khiếu nại lần hai có nội dung giữ nguyên Quyết định số 3705/QĐ-UBND ngày 12/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X. Tuy nhiên, như đã phân tích ở mục [4.2] của Bản án thì quyết định số 3705/QĐ-UBND bị hủy bỏ; do đó, Quyết định số 3717/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B không còn căn cứ để ban hành. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N để hủy quyết định 3717/QĐ-UBND.

[5] Về án phí hành chính sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, nên UBND huyện X, Chủ tịch UBND huyện X và Chủ tịch UBND tỉnh B phải chịu án phí, mức án phí là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; Điều 5, Điều 74, 79 Luật Đất đai năm 2013; Điều 33 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014; Điều 6 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Thông tư số

28/2015/TT-BTC ngày 06-3-2015 của Bộ T2 ban hành tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam; Điều 22 Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 của UBND tỉnh B; Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hồng N;

- Hủy Quyết định số 1582/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của Ủy ban nhân dân huyện X.

- Hủy Quyết định số 3705/QĐ-UBND ngày 12/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X.

- Hủy Quyết định số 3717/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện X phải ban hành quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với diện tích đất thu hồi: đất ở 150 m² và đất nông nghiệp 108,1 m² thuộc thửa đất số 97, tờ bản đồ số 67 tọa lạc tại xã B, huyện X cho ông Lê Hồng N, bà Nguyễn Thị Đ1 theo đúng quy định của pháp luật.

2. Án phí hành chính sơ thẩm:

- Ủy ban nhân dân huyện X phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

3. Thời hạn kháng cáo đối với bản án là 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Xuân Long